CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TRUNG TÂM DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN QUỐC GIA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: NNHN-23/DBQG	*Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2026*

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 15 đến 21/6/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-120mm, có nơi trên 150mm, riêng đồng bằng 15-30mm, có nơi trên 50mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Từ ngày 9-10 tháng 6 đã xảy ra 1 đợt lũ với biên độ lũ lên tại Yên Bái đạt 2,70m và đỉnh lũ đạt 26,48m (9h/10/6) vẫn dưới mức báo động 1. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái tăng so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 51%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang thấp hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 55%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy cao hơn so với 7 ngày trước; So với TBNN, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 68%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dao động theo điều tiết của các thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua thấp hơn TBNN cùng kỳ 19%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-200mm, có nơi trên 250mm, riêng đồng bằng 20-50mm, có nơi trên 70mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Do ảnh hưởng mưa lớn trên lưu vực những ngày đầu có khả năng xuất hiện 01 đợt lũ trên lưu vực. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái dự báo ở mức cao tương đương với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 58%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ cao hơn với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 51%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế ít biến đổi so với 7 ngày

trước; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 45%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ biến đổi chậm chịu ảnh hưởng điều tiết từ các thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo ở mức xấp xỉ thấp hơn 5% so với TBNN cùng kỳ.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-30mm, có nơi trên 40mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy có dao động lũ; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy xấp xỉ so với tuần trước và thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 36%. + Trên sông Lục Nam: Dòng chảy tại trạm thủy văn Chũ có dao động lũ; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 84%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 80-150mm, cục bộ có nơi trên 200mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Dòng chảy tại trạm Gia Bảy sẽ biến đổi chậm 2-3 ngày đầu và có khả năng lên lại trong những ngày cuối; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy cao hơn so với TBNN cùng kỳ 46%. + Trên sông Lục Nam: Dòng chảy sẽ xuất hiện dao động lũ; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo lớn hơn so với kì trước và cao hơn TBNN cùng kỳ 24%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: phổ biến 5-40mm, có nơi trên 50mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa tăng hơn so với tuần trước, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 41%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 57%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 93%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm

Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 257%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 0-10mm, có nơi trên 20mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa tăng hơn so với tuần trước, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ 13%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 44%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn 46%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 91%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 151%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phía Bắc phổ biến 5-25mm, có nơi trên 40mm; phía Nam phổ biến dưới 10mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn thấp hơn so vớiTBNN cùng kỳ 31% và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang thấp hơn 19%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy so với TBNN trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 25%, sông Ba (Đăk Lăk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 82%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 8%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 24%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 86%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Tổng lượng mưa: phổ biến 10-30mm, có nơi trên 50mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi và cao hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn thấp hơn TBNN 30% cùng kỳ và sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang thấp hơn 10%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới mực nước trên các

sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn so với TBNN 82% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng thấp hơn so với TBNN 10%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 15-80mm, có nơi trên 150mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy đến sông Đắkbla (Quảng Ngãi) và sông Krông Ana (Đắk Lắk) biến đổi ở mức thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 79%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 37%. +Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-50mm, có nơi trên 70mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến sông Đắkbla (Quảng Ngãi) và sông Krông Ana (Đắk Lắk) biến đổi ở mức tương đương và giảm so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 79%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 42%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu có khả năng thấp hơn TBNN 12%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc có khả năng thấp hơn TBNN 40%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 22/06/2026.

Tin phát lúc: 15h00

Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/6/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	149.9	>27	18.8	16.1	18.6	45.4	36.7	16.1	9.5	161.2	>39
	Sơn La	33.2	<41	12	22	23.7	39.8	14.9	6	2.5	120.9	>194
	Hòa Bình	75.8	>24	0.9	21.1	17.1	1.9	0.1	0.2	0	41.3	<14
	Lào Cai	35	<31	15.7	11.9	19.1	24.8	14.2	7.9	1.2	94.8	>115
	Yên Bái	92.7	>115	14.2	26.2	14.4	22.9	6.3	0.3	0.2	84.5	>64
	Tuyên Quang	54.9	>15	16.7	30.2	24.9	13	9.8	0.2	0.3	95.1	>113
	Hà Giang	36.2	<58	9	16.2	12	26.9	13.2	9.9	2.1	89.3	<10
	Láng	54.8	<11	2.9	16.4	24.5	1.2	0.4	0.3	0.2	45.9	>2
	Thái Bình	19.5	<44	8.3	11.2	5.9	0	0	0	1	26.4	<1
	Nam Định	19.4	<45	3.6	6.4	6.1	0.2	0	0.1	0.1	16.5	<33
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	36.9	<23	20.4	23.3	35.6	30.8	23	2	1.4	136.5	>146
	Thái Nguyên	27.5	<58	35.7	35.9	31.8	38.4	7.9	0.6	0.1	150.4	>137
	Bắc Ninh	18.2	<67	6.8	27	28.4	1.1	0	0.1	0.1	63.5	>19
	Lạng Sơn	29.8	<34	33.9	59.6	64.7	21.2	1.9	0.7	0.1	182.1	>569
	Bắc Giang	2.2	<96	16.1	48.5	32.8	3.1	0	0.2	0.2	100.9	>85
	Hải Dương	19.6	<58	10.2	25.8	30.6	1.1	0	0.1	0.1	67.9	>55
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	47	<16	2.2	2.4	14.2	4.1	0.8	1	0.3	25	<39
	Bái Thượng	74.9	>34	0.4	0.6	0.6	0	0	0.2	0.1	1.9	<95
	Thanh Hóa	15.3	<59	0.3	0.3	0.2	0	0	0.2	0.1	1.1	<95
	Quỳ Châu	19.2	<46	1.4	1.4	0.5	0.3	0.5	0	0.1	4.2	<81
	Cửa Rào	26.7	<9	1.7	2.7	3.3	0.4	0.2	0.3	0.5	9.1	<73
	Đô Lương	13.3	<61	0	0.3	0.4	0.1	0	0	0	0.8	<96
	Vinh	6.1	<77	0	0	0.1	0	0	0	0.1	0.2	<98
	Hương Sơn	24.9	<13	0	0.7	0.4	0	0	0.1	0	1.2	<88

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
	Hương Khê	**36.2**	**>57**	**0.1**	**0**	**0.1**	**0.1**	**0**	**0**	**0.2**	**0.5**	**<98**
	Hà Tĩnh	**16**	**<54**	**0**	**0.1**	**0.1**	**0.4**	**0**	**0**	**0.3**	**0.9**	**<92**
	Đồng Hới	**3.2**	**<75**	**0**	**0.2**	**0.4**	**0.5**	**0.8**	**0.1**	**0.3**	**2.3**	**<76**
	Quảng Trị	**1.9**	**<89**	**0.1**	**0.2**	**1.9**	**1.9**	**1.1**	**0.1**	**1**	**6.3**	**<43**
	Nam Đông	**35.6**	**<12**	**3.7**	**0.9**	**2.5**	**2.6**	**4.6**	**2.7**	**1.3**	**18.3**	**<47**
	Huế	**23.1**	**>38**	**3.6**	**1.3**	**0.6**	**1.6**	**2.5**	**1**	**0.9**	**11.5**	**<12**
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	**20.4**	**>30**	**1.2**	**0.5**	**0.3**	**0.7**	**1.5**	**0.1**	**0.2**	**4.5**	**<56**
	Trà My	**2.2**	**<95**	**2.2**	**2.3**	**1.5**	**12.5**	**2.9**	**1.1**	**0.2**	**22.7**	**<34**
	Ba Tơ	**0**	**<100**	**4.8**	**14.2**	**2.3**	**2.3**	**2.4**	**2.1**	**1.9**	**30**	**<4**
	Quảng Ngãi	**0**	**<100**	**1.3**	**0.4**	**1**	**1.9**	**3.4**	**0.6**	**1.6**	**10.2**	**<12**
	Quy Nhơn	**1.2**	**<93**	**2.5**	**2.6**	**4.1**	**2.1**	**1.9**	**0.5**	**0.3**	**14**	**>97**
	An Khê	**43.1**	**>89**	**1.8**	**6.8**	**2.9**	**1.6**	**1.4**	**2.9**	**1.1**	**18.5**	**<23**
	Tuy Hòa	**1.2**	**<92**	**1.2**	**1.7**	**1.6**	**3.5**	**1.8**	**0.5**	**0.4**	**10.7**	**>106**
	Nha Trang	**2.2**	**<86**	**1.5**	**4.7**	**16**	**15.1**	**6.5**	**1.3**	**0.6**	**45.7**	**>536**
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	**77.4**	**>93**	**7.5**	**13.3**	**3.9**	**3.9**	**4.8**	**2.8**	**1.1**	**37.3**	**<40**
	Lắk	**6.2**	**<89**	**6.3**	**5.2**	**7.7**	**7.3**	**5.6**	**2.9**	**2.3**	**37.3**	**<54**
	Buôn Mê Thuột	**34.2**	**<22**	**4.7**	**10.8**	**4.4**	**8.6**	**5.2**	**2.3**	**2**	**38**	**<36**
	Biên Hòa	**71.9**	**>64**	**9.5**	**13**	**11.2**	**12.8**	**7.5**	**2.8**	**2.4**	**59.2**	**<15**
	Cần Thơ	**12.7**	**<72**	**13.4**	**14.9**	**6.3**	**11.2**	**9.5**	**8**	**6.5**	**69.8**	**>23**

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/6/2026

Đơn vị: triệu m^3

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 08/06 đến 14/06	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	20/06	21/06	Tổng	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	166	<51	7	15	66	34	17	14.0	9	162	<58
Lô	Tuyên Quang	185	<55	15.55	21.6	38.88	43.2	38.88	30.2	25.92	214.27	<51
Đà	Hồ Hòa Bình	1516	>68	216	276.5	285.1	241.9	216	190.1	129.6	1555.2	>45
Hồng	Hà Nội	1078	<19	188	217	237	232	217	202.0	193	1486	<5
Cầu	Gia Bảy	25.4	<36	3.28	11.8	18.1	15.81	8.55	6.0	4.84	68.3	>46
Lục Nam	Chũ	4.84	<84	0.86	4.67	6.48	8.47	6.48	4.7	3.11	34.7	>24
Mã	Cẩm Thủy	199	TBNN	30.5	30.8	31.1	30.5	31.1	32.7	31.1	218	>13
Cả	Yên Thượng	127	<41	16.6	16.8	16.9	16.6	16.9	17.8	16.9	119	<44
La	Hòa Duyệt	16.9	<57	2.54	2.57	2.59	2.54	2.59	2.7	2.59	18.1	<46
Tả Trạch	Thượng Nhật	16.8	>257	1.7	1.6	1.8	1.9	1.9	1.8	1.9	12.6	>151
Thu Bồn	Nông Sơn	47.7	<31	6.5	6.4	6.7	6.5	6.4	6.3	6.6	45.4	<30
Trà Khúc	Sơn Giang	40.5	<19	6.5	6	6.1	6.2	5.9	6.0	6.2	42.9	<10
Ba	Củng Sơn	11.4	<82	1.64	1.64	1.56	1.56	1.56	1.5	1.47	10.9	<82
Cái N,T	Đồng Trăng	17.2	<8	2.76	2.59	2.42	2.25	2.16	2.1	2.07	16.3	<10
ĐăkBla	KonTum	6.0	<79	1.0	0.79	0.85	0.82	0.89	0.90	0.98	6.10	<79
Srêpôk	Giang Sơn	14.9	<37	3.08	2.60	2.26	1.84	1.62	1.50	1.30	14.2	<42
Tiền	Tân Châu			485	524	584	597	632	689.0	733	4244	<12
Hậu	Châu Đốc			49.0	53.0	59.0	65.0	71.0	80.0	88.0	466	<40